

Bản án số: 112/2022/HS-ST

Ngày 22 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn**

Thẩm phán: Ông **Võ Đình Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Thành**

Ông **Nguyễn Xuân Hà**

Bà **Ngô Mỹ Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cao Thanh Tâm** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Trương Quang Trung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Lê Xuân M** (M T), sinh năm 1996, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: Đội 1, Đ, Đông S, Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Tổ 21 H, V, Nha Trang, Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Thợ làm đá granite; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân H (1963) và bà Nguyễn Thị P (1966); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/6/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Xuân Th** (H), sinh năm 1989, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: Đội 1, Đ, Đông S, Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Tổ 2 T, P. V, Nha Trang, Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Thợ làm đá granite; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân H (1963) và bà Nguyễn Thị P (1966); vợ là bà Huỳnh Thị Thanh T (1992); có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/9/2013, Tòa án nhân dân

huyện Đ, tỉnh Th xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/6/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Mã Văn T** (Th), sinh năm 1991, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: Xóm 1 P, Ng, Nga S, Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Tổ 15 P, P. V, Nha Trang, Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Thợ làm đá granite; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mã Văn H (1959) và bà Trần Thị Th (1958); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/6/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo theo chỉ định của Tòa án:** Luật sư **Đào Thanh T** – Luật sư Công ty Luật TNHH T&D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: 35 Tổ H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị hại:** Bà **Huỳnh Thị Kim H**, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 88/13 Nguyễn K, P. Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: 123 Nguyễn K, P. Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 88/13 Ng, P. V, Nha Trang, Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: 123 Nguyễn K, P. V, Nha Trang, Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Ông **Lê Xuân N**, sinh năm 1987, địa chỉ: 77/95 Đường LK, Tổ 1, P. Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Ông **Trịnh Hùng A**, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm M, Đông T, Đông S, Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Ông **Phùng Đình T2**, sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ 21, Hòn N, P. Vĩnh N, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993, địa chỉ: 123 Ng, P. V, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

5. Ông **Phạm Ngọc B**, sinh năm 1991, địa chỉ: Hẻm 5 đường Mai Thị D, P. V, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

6. Ông **Nguyễn Xuân V**, sinh năm 1957, địa chỉ: 113/1 Nguyễn K, Vĩnh H, Nha Trang, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2019, Lê Xuân M cho chị Huỳnh Thị Kim H ở địa chỉ 123

Nguyễn K, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa vay 5.000.000 đồng. H đã trả tiền gốc và lãi cho M được 2.400.000 đồng, còn lại 2.600.000 đồng H hẹn ngày 02/5/2020 sẽ trả hết.

Khoảng 18h00 ngày 30/4/2020, M đang ngồi nhậu cùng với Trịnh Hùng A, Phùng Đình T tại phòng trọ của M tại Tổ 21 H, xã V N, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thì H gọi điện thoại đến cho M nói xin được trả trước 1.000.000 đồng nhưng M không đồng ý mà đòi trả hết số tiền 2.600.000 đồng nên dẫn đến mâu thuẫn với chị H. H thách thức và hẹn M đến nhà H. M điều khiển xe máy mang theo gậy bóng chày dài 60cm đến nhà H để đòi nợ, khi đi M không nói cho Trịnh Hùng A và Phùng Đình T biết. Khi đến nhà H thấy đóng cửa. M dùng chân đạp cửa thì Nguyễn Văn L (chồng chị H) ra mở cửa. M và vợ chồng chị H lời qua tiếng lại và đánh nhau. H cầm đèn pin dạng roi điện bấm dọa M, M gọi điện thoại cho Lê Xuân T (anh ruột M) nói mình bị đánh tại nhà H. Nghe xong điện thoại, Th đang ngồi nhậu cùng Mã Văn Th, Th rủ T đi đánh vợ chồng H thì T đồng ý. Th xuống bếp lấy 02 con dao tự tạo dài 60cm và lấy áo khoác bọc dao lại rồi T lấy xe máy chở Th đi. Th tiếp tục gọi điện cho Lê Xuân N (anh ruột Th) nói M bị đánh gần Trại Gà. Sau khi nghe điện thoại, N rủ T1 (chưa xác định nhân thân, lại lịch) đang đi cùng mình điều khiển xe tới xem sự việc như thế nào. Cùng thời gian này, do thấy M bỏ đi lâu chưa về nên A gọi điện thoại cho M thì M nói đang bị đánh gần Trại Gà nên A nói T2 điều khiển xe máy chở đến chỗ M. Khi A, T2 đến nơi thì gặp Th, T, N, T1 cũng vừa mới tới và dừng xe đối diện nhà H. Th lấy 01 con dao đưa cho M và Th cầm 01 con dao cùng T xông vào nhà H nhưng cửa đóng nên M, Th, T đi đến cửa sổ thì bị H ở trong nhà lấy nồi thức ăn đang nấu tạt vào mặt Th. Th, M, T quay lại cửa chính, M đạp cửa xông vào. Khi thấy L thì M cầm dao chém vào mặt và tay L, L cầm tuýp sắt đánh lại vào vai M. Thấy L bị chém nên H kéo L ra thì bị M cầm dao chém trúng vào mặt và tay gây thương tích. Thấy M cầm dao chém L và H chảy máu nhiều và do cửa nhà H chặt nên Th, T không xông vào mà đứng gần cửa. Sau đó, nhóm M bỏ đi, trên đường đi M, Th đưa dao cho N cất giữ. Còn H và L được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa.

Bản kết luận giám định y pháp về thương tích số 139/TgT ngày 14/5/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa xác định tỷ lệ thương tật của Nguyễn Văn L là 06%.

Bản kết luận giám định y pháp về thương tích số 140/TgT ngày 14/5/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa xác định tỷ lệ thương tật của Nguyễn Thị Kim H là 39%.

Bản Kết luận giám định số 652/GĐTP/2020 ngày 18/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: 01 cây roi điện dạng đèn pin là loại roi điện không thuộc danh mục công cụ hỗ trợ, nhưng có tính năng tác dụng tương tự công cụ hỗ trợ.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKSKH-P1 ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Lê Xuân M, Lê Xuân T và Mã Văn

Th về tội “*Giết người*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Đối với thương tích của anh Nguyễn Văn L với tỷ lệ thương tật 06%. Ngày 28/4/2021, anh Nguyễn Văn L có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Xuân M, Lê Xuân T và Mã Văn Th nên Cơ quan điều tra – Công an tỉnh Khánh Hòa không xử lý hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với các bị cáo Lê Xuân M, Lê Xuân T và Mã Văn Th và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Xuân M mức hình phạt từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “*Giết người*”, áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 54, Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo Lê Xuân T và Mã Văn Th mỗi bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “*Giết người*”.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 60.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên không xét.

Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy: 02 con dao tự tạo dài 60cm; 01 cây gậy bóng chày vì đây là hung khí và không còn giá trị sử dụng

+ ***Luật sư bào chữa cho các bị cáo gửi luận cứ bào chữa có nội dung như sau:***

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, tôi đồng ý với việc định tội danh của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Lê Xuân M, Lê Xuân T và Mã Văn Th bị truy tố theo Điều 123 BLHS 2015. Tuy nhiên xét về tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm tôi không đồng ý việc truy tố bị cáo T ở điểm n khoản 1, Điều 123 BLHS 2015, cụ thể:

Vai trò bị cáo T trong vụ án này là người giúp sức, bị lôi kéo và đóng vai trò không đáng kể, cụ thể bị cáo T chỉ chờ Th tới nhà chị H, anh L mà không biết là Th có mang theo dao, khi đến nơi bị cáo T cũng không cầm cái gì mà chỉ đứng bên ngoài đường gần xe máy, không tham gia vào việc xô xát đánh nhau nên hành vi phạm tội của bị cáo T không “*Có tính chất côn đồ*”, mà chỉ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị HĐXX áp dụng án lệ số 17/2018/AL về tình tiết “*Có tính chất côn đồ*” trong vụ án “*Giết người*” có đồng phạm đối với bị cáo Mã Văn Th để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và thể hiện đúng người, đúng tội.

Đề nghị HĐXX khi quyết định hình phạt thì cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ sau đây đối với các bị cáo:

- Thứ nhất, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên Tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo những hành vi phạm tội của mình và sau khi sự việc xảy ra thì đã thấy hối hận về phút nông nổi nên rất ăn năn hối hận về hành vi

của mình gây ra, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản s Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

-Thứ hai, trong quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

- Thứ ba, việc người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cũng được coi là 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, cụ thể như sau: “... *Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản...*”. Trong vụ án này các bị cáo gây tổn hại về sức khỏe của chị H – bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do đó Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 cho các bị cáo.

- Thứ tư: học vấn của các bị cáo thấp, lại là lao động phổ thông không hiểu các quy định của pháp luật nên không lường được hậu quả đối với hành vi của mình. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS.

Như vậy các bị cáo M, Th và T đều có 3 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, Điều 51 BLHS 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015; khoản 1 Điều 54 BLHS 2015, để xem xét áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cụ thể là áp dụng khoản 2 Điều 123 BLHS 2015 để quyết định hình phạt cho bị cáo M, bị cáo Th.

Về cá thể hóa TNHS trong vụ án có đồng phạm, căn cứ quy định tại Điều 58 BLHS 2015 quy định: “*Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm*” Bị cáo Th có trực tiếp tham gia việc đánh nhau, nhưng không gây thương tích cho bị hại, chỉ là đóng vai trò người giúp sức đề nghị HĐXX xem xét khi quyết định hình phạt thì bị cáo Th nhẹ hơn bị cáo M.

Trường hợp của bị cáo Mã Văn Th: Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy kính đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 54 BLHS 2015 để giảm mức hình phạt cho bị cáo T, cụ thể: “*Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể*” Ngoài ra tôi đề nghị HĐXX, áp dụng Điều 15, Điều 57 BLHS 2015 khi xem xét hình phạt, các bị

cáo bị buộc tội giết người tuy nhiên hậu quả chết người chưa xảy ra nên được coi là phạm tội chưa đạt, người phạm tội chưa đạt chỉ chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi mình gây ra, quyết định mức hình phạt không quá ba phần tư (3/4) mức phạt tù để các bị cáo có điều kiện sớm trở lại với xã hội.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Luật sư bào chữa cho các bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không gây cản trở đối với việc xét xử, căn cứ vào các Điều 291, Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật sư, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Xuân M, Lê Xuân T và Mã Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 18 giờ, ngày 30/4/2020, tại địa chỉ 123 đường Nguyễn Khuyến, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa. Lê Xuân M, Lê Xuân T, Mã Văn Th đã dùng dao chém nhiều nhát vào vùng mặt, tay của chị Huỳnh Thị Kim H. Gây thương tích cho chị H 39%.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, các bị cáo đã dùng dao chém vào những nơi trọng yếu trên cơ thể của bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ. Do đó, Cáo trạng số 44/CT-VKSKH-P1 ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đã truy tố các bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đối với hành vi Lê Xuân M dùng dao chém vào trán của anh Nguyễn Văn L, gây thương tích cho anh L 06%. Bị cáo dùng hung khí nguy hiểm chém vào trán của anh L, đây là vùng trọng yếu, có khả năng gây tử vong cao. Hội đồng xét xử đã nhiều lần trả hồ sơ để yêu cầu xem xét hành vi của bị cáo Lê Xuân M và đồng phạm có dấu hiệu của tội “*Giết người*”. Tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng hành vi đó chỉ cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Đối với hành vi của Trịnh Hùng A, Phùng Đình T đều khai nhận “*Mục đích chạy xuống nhà chị H là để giúp Lê Xuân M*”. Sau khi Lê Xuân M chém vợ chồng anh L, chị H thì Trịnh Hùng A đã chở M về. Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để xem xét xác định Trịnh Hùng A, Phùng Đình T có đồng phạm với Lê Xuân M. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng Trịnh Hùng A, Phùng Đình T không có đồng phạm với Lê Xuân M.

Theo khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, quy định về giới hạn của việc xét xử: Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa kiến nghị Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét đối với hành vi “*Giết người*” của các bị cáo đối với anh Nguyễn Văn L và vai trò đồng phạm của Trịnh Hùng A, Phùng Đình T.

[5] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Đối với bị cáo Lê Xuân M: Là người gọi điện cho bị cáo Lê Xuân T mang hung khí xuống nhà bị hại và trực tiếp dùng dao chém chị H. Do đó, vai trò của bị cáo M trong vụ án này nguy hiểm, tích cực hơn so với các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Lê Xuân T: Sau khi nghe bị cáo M gọi điện, bị cáo ngay lập tức đã rủ bị cáo T đi đánh vợ chồng chị H và lấy 02 con dao tự tạo dài 60 cm để đi đánh nhau. Bị cáo là người cầm dao cùng với các bị cáo M, T xông vào nhà chị H, cũng là người đưa dao cho bị cáo M chém chị H, bị cáo có vai trò là người giúp sức tích cực trong vụ án.

Đối với bị cáo Mã Văn Th: Mặc dù không có mâu thuẫn với vợ chồng chị H, nhưng sau khi nghe bị cáo Th rủ đi đánh vợ chồng chị H bị cáo đã đồng ý ngay và chở bị cáo Th cầm theo 02 con dao đến chỗ của bị cáo M, cùng bị cáo M và Th xông vào nhà chị H. Bị cáo có vai trò là người giúp sức, tuy nhiên, vai trò của bị cáo có phần hạn chế hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến thân thể của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, thể hiện tính côn đồ hung hãn nên cần xử phạt nghiêm, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải, đã bồi thường cho bị hại được 60.000.000 đồng, được bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Lê Xuân M, Mã Văn Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo Mã Văn Th, là đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên có vai trò có phần hạn chế hơn so với các bị cáo khác, do đó, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận của các bị cáo 60.000.000 đồng. Bị hại vắng mặt, tuy nhiên bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt. Tuy nhiên, ông L có đơn không yêu cầu bồi thường nên không xét.

[7] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ 02 con dao tự tạo dài 60cm; 01 cây gậy bóng chày. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân M 12 (Mười hai) năm tù** về tội “*Giết người*”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/6/2020.

Căn cứ các điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân T 10 (Mười) năm tù** về tội “*Giết người*”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/6/2020.

Căn cứ các điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 15 khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Mã Văn Th 08 (Tám) năm tù** về tội “*Giết người*”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 10/6/2020.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 02 con dao tự tạo dài 60 cm; 01 cây gậy bóng chày.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hòa với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Xuân M, Lê Xuân T, Mã Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia TT khác;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Tuấn